

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TP
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/DS-ST

Ngày: 28-9-2021

V/v Tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Phúc
2. Ông Nguyễn Thanh Dũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Chung, Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 210/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Văn M, sinh năm 1952

Địa chỉ: số 101, tổ 4, ấp B, xã TPh, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1968

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn MP, huyện TP, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1965

Địa chỉ: ấp ML, xã ML1, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

2/ Anh Nguyễn Vĩnh Tr, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp HQ, xã HT, huyện TP, tỉnh Tiền Giang.

(Ông M, ông Đ và anh Tr có mặt; ông Ph vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong Đơn khởi kiện và Bản tự khai ngày 06 tháng 10 năm 2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phan Văn M trình bày như sau:

Qua mối quan hệ quen biết, ông Nguyễn Văn Ph và ông Trần Văn Đ có hỏi vay tiền của ông để ông Ph, ông Đ và anh Nguyễn Vĩnh Tr đáo hạn ngân hàng. Sau khi bàn bạc, ông đồng ý cho ông Ph vay số tiền 1.100.000.000đồng với lãi suất 6%/tháng, thời hạn vay vài ngày khi vay được tiền ngân hàng sẽ trả lại. Sau khi thỏa thuận xong, ông Ph là người viết biên nhận vay với nội dung xác nhận số tiền vay là 1.100.000.000đồng nhưng không ghi thỏa thuận về lãi suất và thời hạn vay, sau đó ông Ph tự đưa cho ông Đ và anh Tr ký tên vào biên nhận. Đến ngày 19/02/2019 (nhằm ngày 15/01/2019 âm lịch), ông đã giao đủ số tiền 1.100.000.000đồng cho ông Ph và ông Đ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam chi nhánh huyện CL (nay là thị xã CL). Sau khi nhận tiền, ông Ph là người giao biên nhận cho ông lúc đó trong biên nhận đã có chữ ký của ông Ph, ông Đ và anh Tr (ông không rõ thời điểm ký tên). Do số tiền vay trên không đủ trả tiền ngân hàng nên ông Ph và ông Đ hỏi vay tiếp của ông thêm số tiền 100.000.000đồng. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, ông Ph đến nhà ông nhận tiền và ông Ph viết thêm nội dung vay 100.000.000đồng và ký tên vào biên nhận vay 1.100.000.000đồng đã viết trước đó.

Sau khi vay, ông Ph, ông Đ và anh Tr đã trả cho ông được các khoản sau:

Ngày 17/3/2019 (nhằm ngày 12/02/2019 âm lịch), ông Ph có trả 100.000.000đồng trong đó tiền lãi là 72.000.000đồng và tiền vốn là 28.000.000đồng. Ông có làm biên nhận do ông Ph giữ.

Đến ngày 21/3/2019 (nhằm ngày 15/02/2019 âm lịch) ông Đ trả cho ông 800.000.000đồng tiền vốn. Ông có làm biên nhận do ông Đ giữ.

Như vậy, tính đến ngày 21/03/2019, ông Ph, ông Đ và anh Tr còn nợ ông số tiền vốn là 300.000.000đồng và tiền lãi là 72.000.000đồng, tổng cộng là 372.000.000đồng. Do các ông không trả tiền nên tính đến ngày 31/10/2019 số tiền lãi phát sinh thêm là 161.216.000đồng, cộng với số tiền còn nợ lại là 533.216.000đồng. Ông yêu cầu ông Ph, ông Đ và anh Tr thỏa thuận phương án trả tiền nhưng ông Đ không đến. Ngày 31/10/2019, ông, ông Ph và anh Tr thống nhất thỏa thuận chia đều số nợ còn lại cho 03 người mỗi người phải trả cho ông là 171.500.000đồng. Các bên chỉ thỏa thuận miệng không có lập thành văn bản. Cùng ngày, ông Ph và anh Tr đã trả cho ông mỗi người 171.500.000đồng, ông có làm biên nhận cho ông Ph, anh Tr, đồng thời khi nhận tiền ông có viết bổ sung vào biên nhận vay ngày 19/02/2019 với nội dung “Phần của chú Ph, chú Tr đã trả xong”.

Đến nay, ông Đ vẫn không trả cho ông bất cứ khoản tiền nào. Như vậy, ông Đ còn nợ ông số tiền 171.500.000đồng cùng tiền lãi tính từ ngày 31/10/2019 đến ngày khởi kiện là 12 tháng, số tiền lãi phát sinh thêm là 123.480.000đồng, tổng

cộng số tiền ông Đ còn nợ là 294.980.000đồng. Theo ông, số nợ này là nợ riêng của ông Đ vì ông Ph và anh Tr đã thanh toán phần nợ của họ xong.

Nay, ông yêu cầu ông Đ trả cho ông số tiền 171.500.000đồng tiền vốn và tiền lãi tính từ ngày 31/10/2019 đến ngày 06/10/2020 với lãi suất là 6%/tháng là 123.480.000đồng và tiền lãi phát sinh từ 07/10/2020 đến khi xét xử với lãi suất là 6%/tháng.

Tại phiên tòa, ông Phan Văn M vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Trần Văn Đ phải trả cho ông số tiền 171.500.000đồng cùng tiền lãi phát sinh từ sau ngày 31/10/2021 đến ngày xét xử, tổng cộng là 408.070.000đồng, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

* Trong Đơn phản tố ngày 03 tháng 02 năm 2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Văn Đ trình bày như sau:

Vào năm 2019 nhưng không nhớ thời gian chính xác, ông cùng với ông Nguyễn Văn Ph và anh Nguyễn Vĩnh Tr cùng vay của ông Phan Văn M số tiền vay là 1.100.000.000đồng, khi vay có thỏa thuận lãi tuy nhiên ông Ph là người trực tiếp thỏa thuận nên ông không biết tính lãi như thế nào, mục đích vay là trả khoản tiền vay của ông, ông Ph và anh Tr tại ngân hàng nhưng ông nhớ rõ tên ngân hàng. Khi vay, ông Ph viết biên nhận sau đó ông, ông Ph và anh Tr cùng ký tên. Khoảng 01 đến 02 ngày sau khi ký biên nhận, ông M đã giao đủ số tiền 1.100.000.000đồng thông qua việc trực tiếp thanh toán toàn bộ số tiền vay của các ông và anh Tr tại ngân hàng. Sau đó, do các ông và anh Tr không thỏa thuận được với nhau trong vấn đề hợp tác làm ăn chung nên không có làm thủ tục vay lại vì vậy không trả tiền cho ông M theo đúng thỏa thuận.

Sau khi vay, ông có trả cho ông M tổng số tiền là 950.000.000đồng gồm các lần như sau:

+ Ngày 21/3/2019 nhằm ngày 15/02/2019 âm lịch, ông đã trả trực tiếp cho ông M số tiền 800.000.000đồng, ông M có làm biên nhận ông giữ.

+ Ngày 10/4/2019 (không nhớ ngày dương lịch hay âm lịch) ông tiếp tục giao cho ông Nguyễn Văn Ph số tiền 150.000.000đồng để trả cho ông M.

Do đó, ông xác định ông không còn nợ ông M bất kỳ số tiền nào. Việc trong biên nhận ngày 19/02/2019 do ông M giao nộp cho Tòa án có ghi “Phần của chú Ph, chú Tr đã trả xong” thì ông không biết thời điểm ghi là lúc nào cũng như không biết ai ghi. Nay, qua yêu cầu khởi kiện của ông M yêu cầu ông trả số tiền 294.980.000đồng, ông không đồng ý.

Tại Đơn phản tố ngày 03 tháng 02 năm 2021, ông Trần Văn Đ xác định ông cùng ông Nguyễn Văn Ph và anh Nguyễn Vĩnh Tr vay của ông Phan Văn M số tiền 1.200.000.000đồng, ông không biết chính xác lãi suất vay là bao nhiêu nhưng trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn thừa nhận lãi suất vay là 6%/tháng

tương đương tiền lãi là 72.000.000đồng mỗi tháng. Lãi suất cho vay theo quy định là 20%/năm (tương đương 1,67%/tháng) nên số tiền lãi phải trả theo quy định là 20.040.000đồng mỗi tháng. Như vậy, số tiền lãi suất ông M nhận cao hơn lãi suất quy định là 4,3%/tháng tương đương 51.960.000đồng mỗi tháng. Như vậy, tính đến tháng 10/2020 số tiền lãi trong 20 tháng được tính là 1.440.000.000đồng cùng tiền vốn 1.200.000.000đồng, tổng cộng là 2.640.000.000đồng. Ông M cho rằng ông còn nợ số tiền 294.980.000đồng nên ông M đã nhận của các ông số tiền 2.345.020.000đồng, nếu trừ tiền vốn gốc 1.200.000.000đồng thì số tiền lãi ông M đã nhận là 1.145.020.000đồng. Theo lãi suất quy định, các ông phải trả cho ông M số tiền lãi của 20 tháng là 400.800.000đồng. Do đó, số tiền lãi ông M đã nhận vượt quá quy định là 744.220.000đồng nên ông phản tố yêu cầu căn trừ số tiền lãi ông M đã nhận vượt quá quy định pháp luật là 744.220.000đồng vào số tiền ông, ông Ph và anh Tr còn nợ lại.

Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án sau đó và tại phiên tòa, ông Trần Văn Đ trình bày như sau:

Ông thừa nhận có cùng với ông Nguyễn Văn Ph và ông Nguyễn Vĩnh Tr vay tiền của ông Phan Văn M tổng số tiền vay là 1.200.000.000đồng, khi vay có thỏa thuận lãi tuy nhiên ông Ph là người trực tiếp thỏa thuận nên ông không biết tính lãi như thế nào.

Sau khi vay ông chỉ trả cho ông M một lần số tiền 800.000.000đồng ngày 21/3/2019 dương lịch (nhằm ngày 15/02/2019 âm lịch). Đối với số tiền 150.000.000đồng ông đã đưa cho ông Ph nhưng ông Ph không có đưa trả cho ông M thì ông và ông Ph sẽ giải quyết tranh chấp của số tiền này trong vụ án khác. Ông Ph và anh Tr đã trả cho ông M số tiền bao nhiêu thì ông không biết chính xác nhưng ông thống nhất số tiền của cả ba người đã giao cho ông M như ông M trình bày là 1.243.000.000đồng.

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông không đồng ý với lãi suất và cách tính lãi của ông M, ông yêu cầu Tòa án tính lại số tiền vốn và lãi phải trả theo quy định của pháp luật. Nếu Tòa án tính số tiền vốn và lãi các ông và anh Tr còn nợ ông M thì ông đồng ý cùng với ông Ph và anh Tr trả tiếp cho ông M, nếu các ông và anh Tr đã trả vượt quá thì yêu cầu ông M phải trả lại các ông và anh Tr số tiền đã trả vượt quá.

Đối với yêu cầu phản tố trước đây, nay ông xác định ông M không có nhận số tiền trong đơn phản tố ông đã trình bày nên ông rút toàn bộ yêu cầu phản tố không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Trong Bản giải trình ngày 03/12/2020 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Ph trình bày như sau:

Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn ông Phan Văn M về quá

trình giao dịch và số tiền đã trả, thỏa thuận chia nợ và số tiền ông Đ còn nợ lại.

Khi thỏa thuận vay, ông, ông Đ và anh Tr không có thỏa thuận trách nhiệm của từng người, khi vay thì ông có thông báo cho ông Đ và anh Tr biết lãi suất vay là 6%/tháng.

Khi gặp ông M để thỏa thuận vay thì ông cùng ông Đ đến nhà ông M để nhờ ông M tìm người vay tiền dùm, việc vay mượn là cùng thỏa thuận chứ không phải mình ông thỏa thuận như các đương sự trình bày.

Đến ngày 31/10/2019, ông, ông M và anh Tr thỏa thuận chia đều số tiền còn nợ lại là 533.216.000đồng nên mỗi người phải trả cho ông M số tiền là 171.500.000đồng, khi thỏa thuận có thông báo cho ông Đ biết.

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông thống nhất về cách tính số tiền vốn, lãi và số tiền còn nợ lại. Phần của ông đã trả xong nên ông không đồng ý cùng với ông Đ và anh Tr trả cho ông M.

* Trong Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 24 tháng 12 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Vĩnh Tr trình bày như sau:

Vào năm 2019, anh, ông Ph và ông Đ có thỏa thuận làm ăn chung và đến hạn trả nợ ngân hàng nhưng không có tiền trả nợ. Do đó, anh, ông Ph và ông Đ thỏa thuận tìm người vay tiền để trả nợ và người trực tiếp giao dịch là ông Ph. Lúc đầu, ba người thỏa thuận tìm khoản vay với lãi suất 3%/tháng. Ông Ph tìm được người cho vay và đưa anh cùng ông Đ ký biên nhận với nội dung xác nhận có vay của ông M số tiền là 1.100.000.000đồng. Sau đó, do không đủ tiền trả nợ ngân hàng nên có thỏa thuận vay tiếp 100.000.000đồng. Đến khi không vay ngân hàng lại được thì ông Ph mới thông báo lãi suất là 6%/tháng. Đến ngày 21/3/2019, anh, ông Ph và ông Đ đã trả cho ông M một số tiền còn nợ lại ba trăm mấy chục triệu, anh không nhớ chính xác số tiền và anh thấy cách tính lãi nhập vốn và số tiền lãi quá cao thì lâu dài không có khả năng thanh toán khoản nợ này nên anh có yêu cầu chia ra nợ của ai thì thực hiện nghĩa vụ của người đó nhưng ông M không đồng ý. Khi đó anh, ông Đ và ông Ph không ngồi lại được với nhau thỏa thuận về cách thanh toán nợ. Ông M thường xuyên đòi nợ làm ảnh hưởng đến sinh hoạt của anh. Sau đó, ông M tự động thông báo với anh, nếu anh trả số tiền 171.500.000đồng thì anh không còn nghĩa vụ gì đối với khoản nợ này. Việc này ông Đ không biết. Sau đó, anh đã trả hết số tiền 171.500.000đồng cho ông M. Phần ông Ph và ông Đ đã trả cho ông M số tiền bao nhiêu thì anh không biết nhưng nay các bên thống nhất số tiền đã trả cho ông M 1.243.000.000đồng thì anh thống nhất.

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh yêu cầu tính lại khoản vay theo ý kiến của ông Đ, nếu còn nợ lại thì anh đồng ý cùng ông Ph và ông Đ thanh toán cho ông M.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Đ và ông Tr trả cho ông M số tiền còn nợ theo lãi suất quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Ph có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Văn Đ rút yêu cầu phản tố đối với yêu cầu cản trừ số tiền lãi nguyên đơn đã nhận vượt quá quy định pháp luật là 744.220.000đồng vào số tiền ông Đ, ông Ph và anh Tr còn nợ lại. Xét thấy, việc rút toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn là tự nguyện nên căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút yêu cầu phản tố của bị đơn và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự trình bày thống nhất với nhau như sau: Vào ngày 19/02/2019 (nhằm ngày 15/01/2019 âm lịch), ông Trần Văn Đ, ông Nguyễn Văn Ph và anh Nguyễn Vĩnh Tr có vay của ông Phan Văn M số tiền 1.200.000.000đồng với lãi suất vay là 6%/tháng, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng, hứa vài ngày sẽ trả nhưng không xác định thời gian trả cụ thể, khi vay có làm biên nhận nợ do ông Ph viết, ông Đ, ông Ph và anh Tr cùng ký tên với nội dung xác nhận ông Đ, ông Ph và anh Tr có mượn của ông M số tiền 1.200.000.000đồng. Trong biên nhận không ghi thỏa thuận về tiền lãi và thời hạn vay. Ông M đã giao đủ tiền. Sau khi vay, ông Ph trả cho ông M 100.000.000đồng vào ngày 17/3/2019 (nhằm ngày 12/02/2019 âm lịch), ông Đ trả cho ông 800.000.000đồng vào ngày 21/3/2019 (nhằm ngày 15/02/2019 âm lịch). Sau đó, ông M, ông Ph và anh Tr có thỏa thuận chia đều số tiền còn nợ, theo đó, ông Ph, ông Đ và anh Tr mỗi người trả phần bằng nhau là 171.500.000đồng. Ông Ph và anh Tr, mỗi người đã trả cho ông M số tiền 171.500.000đồng, tổng cộng là 343.000.000đồng vào ngày 31/10/2019. Ông M đã viết nội dung xác nhận ông Ph và anh Tr đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho ông M trong giấy biên nhận nợ. Từ đó đến nay, ông Ph, ông Đ và anh Tr không trả cho ông M bất cứ khoản tiền nào khác. Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với các tài

liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết các đương sự trình bày nêu trên là sự thật. Như vậy, các đương sự đều thống nhất bên cho vay là ông M cho bên vay gồm ông Ph, ông Đ và anh Tr vay số tiền vốn là 1.200.000.000đồng với lãi suất thỏa thuận là 6%/tháng và xác định thời hạn vay là vài ngày nhưng không xác định thời hạn cụ thể trả nợ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định giao dịch này là hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn và có lãi.

[2.2] Về yêu cầu của nguyên đơn: Ông M cho rằng ngày 31/10/2019 các đương sự đã thỏa thuận chia nghĩa vụ trả nợ của bên vay nhưng ông Đ không thực hiện nghĩa vụ trả phần của ông Đ. Do đó, ông Đ còn nợ ông M số tiền 171.500.000đồng cùng tiền lãi theo mức lãi suất 6%/tháng tính từ ngày 31/10/2019 đến ngày xét xử, tổng cộng là 408.070.000đồng. Ông Ph thống nhất theo yêu cầu của ông M. Ông Đ và anh Tr cho rằng ông M tính lãi theo mức lãi suất 6%/tháng là vượt quá lãi suất quy định nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu tính lãi lại theo lãi suất quy định, nếu bên vay đã trả vượt quá thì yêu cầu ông M trả lại cho bên vay gồm ông Đ, ông Ph và anh Tr phần vượt quá, nếu còn nợ thì ông Đ và anh Tr yêu cầu ông Ph cùng liên đới trả cho ông M số tiền còn nợ lại. Xét thấy:

[2.2.1] Như nhận định trên, tuy trong biên nhận nợ các đương sự không có thỏa thuận về lãi suất vay nhưng các đương sự đều trình bày thống nhất lãi suất vay là 6%/tháng nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định lãi suất vay thỏa thuận trong hợp đồng vay này là 6%/tháng, tương đương 72%/năm. Như vậy, lãi suất thỏa thuận này đã vượt quá mức lãi suất giới hạn 20%/năm nên phần lãi suất vượt quá lãi suất giới hạn là 52%/năm không có hiệu lực theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2.2] Do các đương sự đều thống nhất số tiền ai trong người vay trả cho ông M đều là tiền bên vay trả cho bên cho vay. Vì vậy, theo lãi suất quy định là 20%/năm, khoản vay trên được tính lại vốn và lãi như sau:

[2.2.2.1] Ngày 17/3/2019, bên vay trả được số tiền là 100.000.000đồng. Lãi suất vay trong 26 ngày từ ngày 19/02/2019 đến ngày 17/3/2019 là 17.368.000đồng. Do đó, sau khi trừ số tiền lãi phải trả này, số tiền còn lại được trừ vào tiền vốn nên tính đến ngày 17/3/2019 số tiền vốn còn lại là 1.117.368.000đồng.

[2.2.2.2] Ngày 21/3/2019, bên vay trả được số tiền là 800.000.000đồng. Lãi suất vay trong 3 ngày từ ngày 18/3/2019 là đến ngày 21/3/2019 là 1.866.005đồng. Do đó, sau khi trừ số tiền lãi phải trả này, số tiền còn lại được trừ vào tiền vốn nên tính đến ngày 21/3/2019 số tiền vốn còn lại là 319.234.005đồng.

[2.2.2.3] Thời gian từ ngày 22/3/2019 đến ngày 31/10/2019 là 07 tháng 09 ngày, tiền lãi trong thời gian này là 38.917.817đồng. Ngày 31/10/2019, bên vay trả được số tiền là 343.000.000đồng. Do đó, sau khi trừ số tiền lãi phải trả này, số tiền

còn lại được trừ vào tiền vốn nên tính đến ngày 31/10/2019 số tiền vốn còn lại là 15.151.822đồng.

[2.2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều trình bày thống nhất ngày 31/10/2019, ông M cùng ông Ph, anh Tr và có báo cho ông Đ biết về việc thỏa thuận chia nợ như đã nêu trên và yêu cầu ông Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông Đ không thực hiện. Do đó, khoản nợ này được các bên xác định lại ngày đến hạn trả nợ là ngày 31/10/2019. Như phân tích trên, số tiền vốn còn nợ là 15.151.822đồng nhưng ông Đ không thực hiện. Vì vậy, số nợ 15.151.822đồng chuyển sang nợ quá hạn từ sau ngày 31/10/2019. Theo quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, lãi sẽ được tính theo mức lãi suất bằng 150% lãi suất trong hạn là 30%/năm. Do đó, tính đến ngày xét xử thời gian là 01 năm 10 tháng 27 ngày, tiền lãi là 8.674.418đồng. Như vậy, tính đến ngày xét xử, bên vay còn nợ bên cho vay số tiền vốn và lãi tổng cộng là 23.826.240đồng.

[2.2.5] Về nghĩa vụ trả nợ:

[2.2.5.1] Xét thấy, ông Đ, ông Ph và anh Tr cùng thỏa thuận vay tiền của ông Phan Văn M nhưng không có thỏa thuận chia phần của mỗi người trong khoản vay này nên ông Đ, ông Ph và anh Tr cùng là bên vay tài sản và phải cùng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn của bên vay tài sản. Do đó, nghĩa vụ trả nợ của ông Ph, ông Đ và anh Tr trong hợp đồng vay tài sản với ông M là nghĩa vụ liên đới theo quy định tại Điều 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tại khoản 1 Điều 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Nghĩa vụ liên đới là nghĩa vụ do nhiều người cùng phải thực hiện và bên có quyền có thể yêu cầu bất cứ ai trong số những người có nghĩa vụ phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ.”. Như vậy, ông M là người có quyền yêu cầu bất cứ ai trong ông Ph, ông Đ và anh Tr phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ. Do đó, ông M khởi kiện yêu cầu ông Đ phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ là phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đồng thời, việc ông Đ và anh Tr yêu cầu ông Ph phải cùng ông Đ và anh Tr thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông M không được ông Ph đồng ý là không phù hợp với nhận định trên nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2.5.2] Trong quá trình Tòa án giải quyết và tại phiên tòa, tuy ông Phan Văn M không yêu cầu anh Nguyễn Vĩnh Tr phải cùng ông Trần Văn Đ thực hiện nghĩa vụ nhưng anh Nguyễn Vĩnh Tr tự nguyện liên đới cùng ông Trần Văn Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông M. Xét thấy, sự tự nguyện này của anh Tr không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội và có lợi cho nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của anh Tr.

[2.2.5.3] Về số tiền phải trả: Như nhận định trên, tính đến ngày xét xử, bên vay chỉ còn nợ số tiền 23.826.240đồng nên ông M khởi kiện yêu cầu trả số tiền 408.070.000đồng là chỉ có cơ sở một phần nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận phần yêu cầu phù hợp với nhận định trên.

[2.2.6] Về thời hạn trả nợ: Xét thấy, các đương sự thống nhất việc trả nợ được thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Do đó, ông Đ và anh Tr có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi án có hiệu lực pháp luật.

[2.3] Đối với việc xác định nghĩa vụ hoàn trả cho nhau của ông Đ, ông Ph và anh Tr trong khoản vay với ông M, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp thì có quyền yêu cầu tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4] Về lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bên được thi hành án: Do các đương sự có thỏa thuận về việc trả lãi nên lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ khi sau ngày xét xử sơ thẩm được tính theo mức lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật là 30%/năm theo quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[3] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm:

[4.1] Nguyên đơn ông Phan Văn M phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được Hội đồng xét xử chấp nhận và bị đơn ông Trần Văn Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Vĩnh Tr có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4.2] Ông Phan Văn M có yêu cầu được miễn án phí vì thuộc diện người cao tuổi. Xét thấy, ông M là người cao tuổi theo quy định tại Điều 1 của Luật Người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông M được miễn án phí.

[4.3] Bị đơn ông Trần Văn Đ được trả lại tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố mà ông Đ đã rút theo quy định tại khoản 3 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, các Điều 147, 218 và 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 12, 26 và 48 của

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Trần Văn Đ đối với yêu cầu nguyên đơn ông Phan Văn M phải cần trừ số tiền lãi mà nguyên đơn ông Phan Văn M đã nhận vượt quá quy định pháp luật là 744.220.000đồng vào số tiền ông Trần Văn Đ, ông Nguyễn Văn Ph và anh Nguyễn Vĩnh Tr còn nợ lại theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn M.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn M.

Ghi nhận sự tự nguyện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Vĩnh Tr đồng ý liên đới cùng bị đơn ông Trần Văn Đ thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn ông Phan Văn M.

Bị đơn ông Trần Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Vĩnh Tr có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Phan Văn M số tiền là 23.826.240đồng (hai mươi ba triệu tám trăm tám hai mươi sáu ngàn hai trăm bốn mươi đồng), thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, nếu bị đơn ông Trần Văn Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Vĩnh Tr chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất 30%/năm tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3/ Về án phí:

Bị đơn ông Trần Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Vĩnh Tr phải chịu 1.191.312đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho nguyên đơn ông Phan Văn M 7.370.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 20746 ngày 10/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP tỉnh Tiền Giang.

Hoàn lại cho bị đơn ông Trần Văn Đ 16.884.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 20880 ngày 19/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP tỉnh Tiền Giang.

3/ Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND h. TP - TG;
- THADS h. TP - TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Huỳnh Trúc